

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẮNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST

Ngày 05-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Đoàn.

Ông Lê Hải Tăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với:

- Bị cáo: Trần Văn Nh, sinh năm 1971 tại Hà Nam; nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã Ng, huyện K, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (Đã chết) và bà Tạ Thị M; có vợ: Mai Thị M và 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/12/2023 đến ngày 03/01/2024 tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Kiều Tiến H, sinh năm 2005; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Kh, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4. Anh Quản Minh V, sinh năm 2007. Người đại diện theo pháp luật: Ông Quản Trọng H, sinh năm 1981. Là bố đẻ; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Phúc Văn Ch, sinh năm 2007. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984. Là bố đẻ; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

6. Anh Đặng Văn X, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ng, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

7. Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Nh, làm nghề tự do, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính nhưng vì háms lợi khi thấy một số người có nhu cầu vay tiền dùng vào mục đích cá nhân nên nảy sinh ý định cho những người có nhu cầu vay tiền với mức lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, Nh yêu cầu người vay phải cầm cố tài sản (nếu tài sản cầm cố là xe máy, người vay phải viết giấy bán xe bằng số tiền Nh cho vay; Giấy bán xe có đầy đủ thông tin của người bán, người mua, số tiền bán xe, thời hạn thanh toán nhưng không ghi lãi suất), đồng thời yêu cầu người vay để lại đăng ký xe và căn cước công dân.

Từ tháng 04/2023 đến ngày 26/12/2023, Trần Văn Nh đã cho 07 người vay với tổng số tiền 107.000.000đồng, với lãi suất từ 3.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày đến 18.900đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 689,8%/năm (gấp từ 5,48 đến 34,49 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Nh thống nhất với người vay nếu chưa trả được tiền gốc, người vay tiền bị tính lãi theo ngày, 15 ngày hoặc 01 tháng trả tiền lãi 01 lần trùng với ngày vay của tháng tiếp theo cho đến khi nào trả hết số tiền gốc đã vay. Nhưng đã thu được 36.000.000đồng tiền lãi (còn 1.360.000 đồng tiền lãi theo thoả thuận chưa thu được), cụ thể như sau:

1. Ngày 13/11/2023, anh Kiều Tiến H, sinh năm 2005 ở thôn Đ, xã Kh, huyện K, vay số tiền 37.000.000đồng, lãi suất 5.850đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 213,5%/năm bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô Honda SH, BKS 90B2-691.84 Nh hẹn 15 ngày đóng lãi 01 lần. Ngày 28/11/2023, Nh đã thu của anh H 3.500.000đồng tiền lãi. Ngày 13/12/2023, Nh thu tiếp của anh H 3.000.000đồng tiền lãi của 15 ngày (từ ngày 28/11/2023 đến ngày 12/12/2023), đồng thời thu trước của anh Hiền 4.500.000đồng tiền lãi của tháng 12/2023. Ngày 26/12/2023, anh H trả Nh số tiền 37.000.000đồng tiền gốc, Nhưng thu thêm của anh H 2.000.000đồng tiền lãi của tháng 12/2023 và trả anh Hiền chiếc xe mô tô Honda SH, BKS 90B2-691.84.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 37.000.000đồng Nhưng cho anh H vay trong thời gian 02 tháng (60 ngày) là:

1.216.438đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 13.000.000đồng - 1.216.438đồng = 11.783.562đồng.

2. Chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1984, ở thôn D, xã Đ, huyện K vay 02 lần.

- Lần 1: Ngày 12/6/2023, chị Ch vay Nh số tiền 5.000.000đồng bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, BKS: 90B3-196.77, lãi suất 5.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương 182,5%/năm. Nh đã thu của chị Ch 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng 750.000đồng. Ngày 12/8/2023, chị Ch đã trả Nh số tiền gốc 5.000.000đồng. Nh đã trả chị Ch chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, BKS: 90B3-196.77.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 5.000.000đồng Nh cho chị Ch vay trong thời gian 02 tháng (60 ngày) là: 164.383đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 1.500.000đồng – 164.383đồng = 1.335.617đồng.

- Lần 2: Ngày 18/8/2023, chị Ch vay Nh số tiền 4.000.000đồng, lãi suất 5.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương đương 182,5%/năm. Nh đã thu của chị Ch 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng 600.000đồng. Các tháng 11,12/2023, chị Ch đã xin Nh khất tiền lãi, hẹn sẽ đóng sau, Nh đồng ý. Chị Ch chưa trả số tiền gốc 4.000.000đồng cho Nh. Theo thỏa thuận số tiền lãi mà Nh chưa thu được của chị Ch đến khi bị bắt là 68 ngày = 1.360.000đồng.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 4.000.000đồng Nh cho chị Ch vay trong thời gian 04 tháng 08 ngày (128 ngày) là: 280.547đồng (trong đó: số tiền lãi tối đa Nh được hưởng của 60 ngày tiền lãi Nh đã thu là 131.506đồng; số tiền lãi tối đa Nh được hưởng của 68 ngày tiền lãi Nh chưa thu được của chị Ch là 149.041đồng). Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 1.200.000đồng – 131.506đồng = 1.068.494đồng; số tiền Nh nhằm thu lợi bất chính là 1.360.000đồng – 149.041đồng = 1.210.959đồng.

3. Ngày 24/4/2023, anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1996 ở thôn Đ, xã L, huyện K vay Nh số tiền 10.000.000đồng bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô Honda Wave alpha, BKS: 90B7-019.98, lãi suất 5.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/năm. Nh đã thu của anh T 05 tháng tiền lãi (tháng 4,5,6,7,8/2023), mỗi tháng 1.500.000đồng. Ngày 24/8/2023, anh T đã trả trước cho Nh 5.000.000đồng tiền gốc và xin không đóng lãi, chỉ trả tiền gốc, Nh đồng ý. Anh T chưa trả cho Nh 5.000.000đồng tiền gốc còn lại.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 10.000.000đồng Nh cho anh T vay trong thời gian 05 tháng (150 ngày) là: 821.917đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 7.500.000đồng – 821.917đồng = 6.678.083đồng.

4. Ngày 22/9/2023, anh Quản Minh V, sinh năm 2007 ở thôn Đ, xã V, huyện K vay Nh số tiền 17.500.000đồng bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô Honda SH Mode, BKS 90D1- 038.06, lãi suất 8.700đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 317,5%/năm. Ngày 22/10/2023, Nh đã thu của anh V 01 tháng tiền lãi số tiền 4.600.000đồng. Ngày 09/11/2023, anh V đã trả Nh 17.500.000đồng tiền gốc, đồng thời Nh thu

thêm của anh V số tiền 3.500.000đồng tiền lãi (từ ngày 23/10/2023 đến ngày 09/11/2023). Nh đã trả cho anh V chiếc xe mô tô Honda SH Mode, BKS 90D1-038.06.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 17.500.000đồng Nh cho anh V vay trong thời gian (46 ngày) là: 441.095đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 8.100.000đồng – 441.095đồng = 7.658.905đồng.

5. Ngày 18/11/2023, anh Nguyễn Phúc Văn Ch, sinh năm 2007 ở thôn Đ, xã H, huyện K vay Nh số tiền 6.000.000đồng bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu J-PAN, 50cc, BKS: 90AK-003.50, lãi suất 18.900đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 689,8%/năm. Ngày 29/11/2023, Nh đã thu trước của anh Ch số tiền lãi 1.700.000đồng của 15 ngày (từ ngày 18/11/2023 đến ngày 03/12/2023). Sau khi đóng lãi, anh Ch và Nh thỏa thuận, anh Ch không lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu J-PAN, 50cc, BKS: 90AK-003.50 nữa, anh Nh có quyền bán chiếc xe mô tô này và không thu lãi của anh Ch. Anh Ch chưa trả cho Nh 6.000.000đồng tiền gốc.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 6.000.000đồng Nh cho anh Ch vay trong thời gian (46 ngày) là: 49.315đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 1.700.000đồng – 49.315đồng = 1.650.685đồng.

6. Ngày 06/9/2023, anh Đặng Văn X, sinh năm 2001 ở thôn Đ, xã Ng, huyện K vay Nh số tiền 20.000.000đồng bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, BKS 90B3-11.411, lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm. Ngày 06/10/2023, anh X đã đưa cho Nh số tiền 21.800.000đồng, gồm 20.000.000đồng tiền gốc và 1.800.000đồng tiền lãi.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 20.000.000đồng Nh cho anh X vay trong thời gian (30 ngày) là: 328.767 đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 1.800.000đồng – 328.767đồng = 1.471.233đồng.

7. Tháng 8/2023, anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1989 ở thôn Đ, H, M, Hà Nội vay Nh số tiền 7.500.000 đồng bằng hình thức cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, BKS: 29Y1-225.78, lãi suất 5.300đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 193,45%/năm. Tháng 9/2023, Nh đã thu của anh Đ 01 tháng tiền lãi số tiền 1.200.000đồng, anh Đ đã trả Nh số tiền gốc 7.500.000đồng.

Như vậy số tiền lãi tối đa Nh được hưởng theo quy định pháp luật đối với số tiền 7.500.000đồng Nh cho anh Đ vay trong thời gian (30 ngày) là: 123.287đồng. Số tiền Nh đã thu lợi bất chính là 1.200.000đồng – 123.287đồng = 1.076.713đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Văn Nh đã cho anh H, anh T, anh Ch, anh V, anh Đ, anh X, chị Ch vay là 107.000.000đồng; tổng số tiền gốc Nh đã thu là 92.000.000đồng; tổng số tiền gốc Nh chưa thu là 15.000.000đồng (gồm: Chị Ch 4.000.000đồng; anh T 5.000.000đồng; anh Ch 6.000.000đồng); tổng số tiền lãi Nh được hưởng theo quy định của pháp luật là 3.425.749đồng (Nh đã thu được 3.276.708đồng, chưa thu được 149.041đồng); tổng số tiền lãi Nh thu lợi bất chính là 33.934.251đồng (Nh đã thu được số tiền 32.723.292đồng, chưa thu được số tiền 1.210.959đồng).

* Vật chứng, tài sản, đồ vật, giấy tờ thu giữ, tạm giữ gồm:

- Thu giữ của Trần Văn Nh: Số tiền 39.000.000đồng; 01 chiếc xe mô tô Honda SH, màu đỏ đen, BKS: 90B2-691.84; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu J-PAN, 50cc, màu xanh, BKS: 90AK-003.50; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 90000910, tên chủ xe: Nguyễn Phúc Văn Ch; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 111588, tên chủ xe Nguyễn Thị D; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 90000083, tên chủ xe: Nguyễn Tiến T; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 182556, tên chủ xe Bùi Thị Ch; 01 giấy phép lái xe số 3502209000702 và 01 căn cước công dân số 035096003214 mang tên Nguyễn Tiến T; 01 căn cước công dân số 017184009506 mang tên Bùi Thị Ch; 01 giấy bán xe, ngày 18/11/2023, người bán xe Nguyễn Phúc Văn Ch, người mua xe Trần Văn Nh, số tiền bán xe 6.000.000đồng; 01 giấy bán xe, ngày 12/6/2023, người bán xe Bùi Thị Ch số tiền bán xe 5.000.000đồng; 01 giấy bán xe, ngày 07/10/2023, người bán xe Quản Văn V, người mua xe Trần Văn Nh, số tiền bán xe 17.500.000 đồng; 01 giấy bán xe, ngày 24/4/2023, người bán xe Nguyễn Tiến T, người mua xe Trần Văn Nh, số tiền bán xe 10.000.000đồng; 01 giấy bán xe, ngày 13/11/2023, người bán xe Kiều Tiến H, người mua xe Trần Văn Nh, số tiền bán xe 37.000.000đồng.

- Bị can Trần Văn Nh đã tự nguyện giao nộp số tiền 35.850.959đồng, gồm: 32.723.292đồng tiền thu lợi bất chính và 3.127.667đồng tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định mà Nh đã thu được.

- Anh Nguyễn Tiến T đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000đồng là số tiền gốc anh T chưa trả cho Nh.

- Anh Nguyễn Phúc Văn Ch đã tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000đồng là số tiền gốc anh Ch chưa trả cho Nh.

- Chị Bùi Thị Ch đã tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000đồng là số tiền gốc chị Ch chưa trả cho Nh.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn Nh tại thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan.

Cáo trạng số 33/CT-VKS-KB ngày 12/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Trần Văn Nh về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Nh phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm b điểm i điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Nh từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 ngày tạm giữ quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành từ 14 tháng 06 ngày đến 17 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ, tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Bản án và Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Trần Văn Nh cho Uỷ ban nhân dân xã Ng, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Văn Nh số tiền từ 40.000.000đồng đến 45.000.000đồng để

nộp vào ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 57.127.667đồng. Buộc bị cáo Nh phải nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 55.149.041đồng. Bị cáo nhất trí với cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Không ai có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Kim Bảng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Nh thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2023 đến ngày 26/12/2023, tại thôn T, xã Đại C, huyện K, tỉnh Hà Nam. Trần Văn Nh, sinh năm 1971, nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã Ng, huyện Kim Bảng; nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam đã cho anh Kiều Tiến H, anh Đặng Văn X, anh Trịnh Văn Đ, anh Nguyễn Tiến T, anh Quân Văn V, anh Nguyễn Phúc Văn Ch và chị Bùi Thị Ch vay với tổng số tiền 107.000.000đồng với lãi suất từ 3.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày đến 18.900đồng/1.000.000đồng/1 ngày, tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 689,8%/năm (gấp từ 5,48 đến 34,49 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Số tiền gốc Nh đã thu về 92.000.000đồng; tổng số tiền lãi Nh thu lợi bất chính là 33.934.251đồng (Nh đã thu được số tiền 32.723.292đồng, chưa thu được số tiền 1.210.959đồng). Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Xét về mặt chủ quan của tội phạm, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b điểm s điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu.

[5] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ những phân tích trên, xét thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó cần đối trừ với 08 ngày bị cáo đã bị tạm giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy trong vụ án, bị cáo cho vay lãi nặng đối người dưới 18 tuổi; bị cáo có nhà đất và chỗ ở ổn định. Mặt khác để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, số tiền phạt là 40.000.000đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp quy định khoản 3 Điều 201 BLHS.

[6] Về việc xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 15.000.000đồng là tiền chị Ch, anh T, anh Ch tự nguyện giao nộp và số tiền 39.000.000đồng thu giữ của bị cáo (Tiền anh H trả cho Nh gồm: 37.000.000đồng tiền gốc và 2.000.000đồng tiền lãi), đều liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 3.276.708đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo được hưởng, bị cáo đã thu của anh H, anh T, anh Ch, anh V, anh Đ, anh X và chị Ch (trong đó bị cáo đã giao nộp 3.127.667đồng, chưa giao nộp 149.041đồng) liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 3.127.667đồng và buộc bị cáo phải nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 149.041đồng.

- Đối với số tiền 55.000.00đồng là tiền gốc mà Nh đã thu được khi cho anh H, anh T, anh Ch, anh V, anh Đ, anh X và chị Ch vay (Nh chưa giao nộp) là tiền dùng vào việc thực hiện tội phạm nên truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hi anh X, anh Đ, anh T, anh V, anh Ch và chị Ch sau khi được Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng trả lại số tiền Trần Văn Nh thu lợi bất chính và đều không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Các vấn đề khác: Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda SH, BKS 90B2-691.84 và chứng nhận đăng ký xe mô tô số 111588 là tài sản hợp pháp của anh Kiều Tiến H, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu J-PAN, 50cc, BKS 90AK-003.50 và chứng nhận đăng ký xe mô tô số 90000910 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Phúc Văn Ch. Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng đã trả lại cho anh H, anh Ch là phù hợp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 90000083, 01 giấy phép lái xe số 3502209000702 và 01 căn cước công dân số 035096003214 đều mang tên Nguyễn Tiến T là giấy tờ cá nhân của anh Tùng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 182556 và căn cước công dân số 017184009506 mang tên Bùi Thị Ch là giấy

tờ cá nhân của chị Ch. Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng đã trả lại cho anh T và chị Ch là phù hợp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với số tiền 32.723.292đồng Nh tự nguyện giao nộp là tiền Nh thu lợi bất chính của anh H, anh T, anh Ch, anh V, anh X, anh Đ và chị Ch. Do anh H, chị Ch, anh T, anh V, anh Ch, anh X, anh Đ đã trả hết số tiền gốc vay của Nh và vay tiền đều sử dụng mục đích cá nhân chính đáng, không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng đã trả lại cho anh H số tiền 11.783.562đồng, chị Ch số tiền 2.404.111đồng, anh Tùng số tiền 6.678.083đồng, anh V số tiền 7.658.905đồng, anh Ch số tiền 1.650.685đồng, anh X số tiền 1.471.233đồng, anh Đ số tiền 1.076.713đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm b điểm i điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Nh phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Nh 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 ngày tạm giữ quy đổi bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 17 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Bảng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Văn Nh cho Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Văn Nh số tiền 40.000.000đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 57.127.667đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 14/3/2024). Buộc bị cáo Trần Văn Nh phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 55.149.041đồng.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Nh phải chịu 200.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Nguyễn Úy;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Đại diện hợp pháp của người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; HCTP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Nguyệt